

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 985/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24/9/2021

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nở
2. Bà Đặng Thị Huệ Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2021/TLST-HNGĐ ngày 10/5/2021 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2988/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/8/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Bằng P, sinh năm 1992.

Cư trú: Số 110 Lô X, chung cư 6.4 ha T, phường L, thành phố Đ, Tp. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Phùng Lê Hương T, sinh năm 1997.

Quốc tịch: Việt Nam

Cư trú: 2925 B Road, P, Florida 32526, USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/4/2021 và bản tự khai, nguyên đơn – ông Lê Bằng P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phùng Lê Hương T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 92 do Ủy ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/11/2019. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, quan điểm bất đồng, tính tình không hòa hợp. Nay nhận thấy tình cảm không còn, khả năng hàn gắn đoàn tụ không có, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Phùng Lê Hương T.

Về việc nuôi con: Không có.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại Bản tự khai ngày 21/6/2021 của bà Phùng Lê Hương T có nội dung chứng nhận của Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Houston, Hoa Kỳ ngày 01/7/2021, bị đơn – bà Phùng Lê Hương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Bằng P tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 92 do Ủy ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí

Minh cấp ngày 11/11/2019. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, quan điểm bất đồng, tính tình không hòa hợp. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không có, vì vậy bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Ông P.

Về việc nuôi con: Không có.

Tài sản chung: Không có.

Về nợ: Không có.

Tại phiên tòa.

Ông Lê Bằng P và bà Phùng Lê Hương T có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Ngày 23/4/2021, ông Lê Bằng P khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Phùng Lê Hương T. Bà Phùng Lê Hương T hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Lê Bằng P và bà Phùng Lê Hương T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Bằng P và bà Phùng Lê Hương T tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 92 do Ủy ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/11/2019, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông P và bà T xác nhận do phát sinh nhiều mâu thuẫn, quan điểm bất đồng, tính tình không hòa hợp, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ. Do đó, có cơ sở xác định Ông P và bà T đã không còn tình cảm với nhau, không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của Ông P về việc xin ly hôn với bà T.

- Về việc nuôi con: Không có.

- Về chia tài sản: Không có.

- Về nợ: Không có.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông P phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bằng P.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Bằng P được ly hôn với bà Phùng Lê Hương T.

- Về việc nuôi con: Không có.

- Về chia tài sản: Không có.

- Về nợ: Không có.

2. Ông Lê Bằng P phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà ông Lê Bằng P đã nộp theo biên lai số AA/2019/0094039 ngày 07/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Bằng P đã nộp đủ án phí.

3. Ông Lê Bằng P có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày; bà Phùng Lê Hương T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM ;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Tp. Đ, Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (15).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thanh Bình

